

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HS-ST
Ngày 26-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Trường.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mụ;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà:
Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn H (H D), sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Thi Thị N; có 03 vợ (đã ly hôn) và 03 con; tiền sự: Không có; tiền án: Tại Bản án số 31/ST-HS ngày 17/6/1999 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 198, điểm h khoản 1 Điều 38, điểm i Điều 39 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tấn H 18 tháng tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tại Bản án số 76/STHS ngày 10/9/2004 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tấn H 03

năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tại Bản án số 72/2008/HSST ngày 30/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm e, g khoản 1 Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 49; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tấn H 05 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Tại Bản án số 121/2014/HSST ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 257; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tấn H 02 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tại Bản án số 103/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 157, điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm a, d, e khoản 2, 5 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H 05 (năm) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; 06 (sáu) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt cả 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Nhân thân: Tại Bản án số 76 ngày 04/7/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”; bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Võ Công B (B1)**, sinh năm 1995, tại: tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành C và bà Võ Thị L; vợ con: Không có; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 100/2019/HSPT ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo B 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. **Nguyễn Hoàng P (B2)**, sinh năm 1997, tại: tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị Minh L; vợ con: Không có; tiền sự: Ngày 06/4/2018 bị Công an xã An Tịnh xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; tiền án: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 70/2019/HSPT ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo P 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 2000, tại: tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P và bà Ngô Thị Hồng T; vợ con: Không có; tiền sự, tiền án: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Vương Mạnh T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
2. Phan Trường L, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
3. Cao Quốc Đ, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
4. Nguyễn Phương N, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
5. Vi Tiểu T, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
6. Võ Ngô Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
7. Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
8. Ngô Thị G, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
9. Thân Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
10. Lê Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
11. Lê Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
12. Trần Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
13. Trương Thị A, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
14. Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
15. Lương Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
16. Bùi Thị Đ, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

17. Nguyễn Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

18. Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

19. Nguyễn Văn N, sinh năm 1945; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

20. Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

21. Tạ Thúy P, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

22. Lê Thị Kim L, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

23. Vương Ngọc N, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

24. Lê Quang K, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

25. Trương Ngọc X, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

26. Nguyễn Khắc H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

27. Lương Thị Kim D, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Khu phố X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

28. Lê Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

29. Lương Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

30. Nguyễn Khắc H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

31. Bùi Thị Ngọc X, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bùi Đình Q, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Đào Trần N, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn G, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Trần Văn B, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Lê Văn M, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đối với hành vi thứ nhất:

Khoảng tháng 8/2016, Nguyễn Tấn H cùng với Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/8/2000 (cháu ruột H) bắt đầu tổ chức cho nhiều người khác vay tiền trên địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. H phân công cho L ghi sổ vay tiền và theo dõi việc trả tiền gốc, tiền lãi của những người vay, H trả tiền công cho L mỗi ngày từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Những người có nhu cầu vay tiền sẽ đến gặp H để thỏa thuận số tiền vay và lãi suất cho vay từ 0,43% đến 02%/ngày nhưng H yêu cầu L chỉ ghi vào sổ vay tiền lãi suất là 0,8%/tháng; người vay tiền phải trả lãi hằng ngày cho đến khi trả hết số tiền gốc hoặc góp cả tiền gốc và tiền lãi theo số ngày đã thỏa thuận.

Vào khoảng tháng 01/2017, do có nhu cầu vay tiền nên Lê Nguyễn Tuấn A cùng vợ là Cao Thị Mỹ Y đến gặp H để vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày; Tuấn A đóng tiền lãi được 49 ngày với số tiền 14.700.000 đồng thì trả trước tiền gốc là 10.000.000 đồng (số tiền thu lợi bất chính 14.297.000 đồng). Đến ngày 06/3/2017, Tuấn A vay tiếp 10.000.000 đồng (tổng cộng luôn số tiền gốc nợ cũ là 15.000.000 đồng), đóng lãi được 18 ngày với số tiền 5.400.000 đồng (số tiền thu lợi bất chính 5.252.000 đồng) thì không còn khả năng trả nữa nên bỏ trốn. Ngày 05/3/2018, Tuấn A bị H cùng đồng phạm bắt, giữ để gia đình của Tuấn A đem tiền đến trả nợ cho H thì bị Công an bắt quả tang.

Với hình thức trên, từ khoảng 08/2016 đến tháng 03/2018, H và L còn cho 27 người khác vay tiền với mức lãi suất từ 0,43% đến 02%/ngày, thu lợi bất chính được tổng số tiền 809.637.000 đồng, cụ thể như sau:

1/ Vi Tiểu T vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 30 ngày với số tiền 1.800.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 1.750.000 đồng.

2/ Võ Ngô Thanh T vay 04 lần với tổng số tiền là 190.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Vào khoảng tháng 9/2016, vay 40.000.000 đồng, đóng lãi được 180 ngày với số tiền 144.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 140.054.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 30/01/2017, vay 40.000.000 đồng, đóng lãi được 16 ngày với số tiền 12.800.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 12.449.000 đồng.

+ Lần 3: Ngày 19/02/2017, vay 40.000.000 đồng, đóng lãi được 12 ngày với số tiền 9.600.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 9.336.000 đồng.

+ Lần 4: Ngày 30/3/2017, vay 70.000.000 đồng, đóng lãi được 219 ngày với số tiền 144.400.000 đồng (còn nợ lại 162.200.000 đồng) thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 136.000.000 đồng.

3/ Nguyễn Thị Bích V vay ngày 01/12/2016 với số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 125 ngày với số tiền 5.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 4.863.000 đồng.

4/ Ngô Thị G vay ngày 04/12/2016 với số tiền 3.500.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 180 ngày với số tiền 12.600.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 12.254.000 đồng.

5/ Thân Thị S vay 02 lần với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 26/12/2016, vay 2.500.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 83 ngày với số tiền 4.150.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 4.036.000 đồng.

+ Lần 2: Cách lần 1 khoảng 02 tháng, vay 5.000.000 đồng với hình thức trả góp cả gốc và lãi trong vòng 28 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (lãi suất 0,43%/ngày), bà S trả góp được 07 ngày với số tiền 1.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 130.000 đồng.

6/ Lê Thị D vay ngày 08/01/2017 với số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 50 ngày với số tiền 2.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 1.945.000 đồng.

7/ Lê Thị G vay ngày 23/01/2017 với số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 104 ngày với số tiền 2.080.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 2.023.000 đồng.

8/ Trần Thị L vay 03 lần với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 24/01/2017, vay 3.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 57 ngày với số tiền 3.420.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 3.326.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 26/3/2017, vay 2.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 20 ngày với số tiền 800.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 778.000 đồng.

+ Lần 3: Cách lần 2 khoảng 01 tháng, vay 4.000.000 đồng với hình thức trả góp cả gốc và lãi trong vòng 28 ngày, mỗi ngày 160.000 đồng (lãi suất 0,43%/ngày), bà Loan đã góp được 28 ngày với số tiền 4.480.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 418.000 đồng.

9/ Trương Thị A vay ngày 30/01/2017 với số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 53 ngày với số tiền 1.060.000 đồng. Sau đó, bà Ánh trả góp cả gốc và lãi trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 40.000 đồng (lãi suất 0,67%/ngày); đã góp được 30 ngày với số tiền 1.200.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.214.000 đồng.

10/ Nguyễn Văn T vay 02 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 01/02/2017, vay 6.000.000 đồng, đóng lãi được 35 ngày với số tiền 4.200.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 4.084.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 18/3/2017, vay 6.000.000 đồng, đóng lãi được 19 ngày với số tiền 2.280.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 2.217.000 đồng.

11/ Lương Thị T vay ngày 02/02/2017 với số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 240 ngày với số tiền 9.600.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 9.336.000 đồng.

12/ Bùi Thị Đ vay ngày 02/02/2017 với số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 20 ngày với số tiền 1.200.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 1.167.000 đồng.

13/ Nguyễn Văn P vay 02 lần với tổng số tiền là 7.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 02/02/2017, vay 4.000.000 đồng, đóng lãi được 30 ngày với số tiền 2.400.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 2.334.000 đồng.

+ Lần 2: Cách lần 1 khoảng 01 tháng, vay tiếp 3.000.000 đồng (tổng cộng số tiền gốc là 7.000.000 đồng), lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 180 ngày với số tiền 25.200.000 đồng thì không có khả năng đóng lãi nữa nên Phước bỏ trốn. Sau đó, H

yêu cầu Phước trả tiền lãi trên số tiền 8.000.000 đồng (gồm 7.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 tiền lãi còn nợ), lãi suất 02%/ngày, Phước đóng lãi được 120 ngày với số tiền 19.200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 43.183.000 đồng.

14/ Nguyễn Thị H vay ngày 20/02/2017 với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày, đóng lãi được 49 ngày với số tiền 12.250.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 10.907.000 đồng.

15/ Nguyễn Văn N vay ngày 20/02/2018 với số tiền 1.500.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 12 ngày với số tiền 360.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 350.000 đồng.

16/ Nguyễn Tấn Q vay 02 lần với tổng số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 07/3/2017, vay 3.000.000 đồng, đóng lãi được 10 ngày với số tiền 600.000 đồng thì trả tiền gốc 2.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 583.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 17/3/2017, vay tiếp 1.000.000 đồng (tổng cộng số tiền gốc là 2.000.000 đồng), đóng lãi được 54 ngày với số tiền 2.160.000 đồng thì trả tiền gốc 500.000 đồng, còn nợ lại 1.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 2.100.000 đồng.

17/ Tạ Thúy P vay vào khoảng tháng 4/2017 với số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 244 ngày với số tiền 29.280.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 28.477.000 đồng.

18/ Lê Thị Kim L vay ngày 03/4/2017 với số tiền 16.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 270 ngày với số tiền 86.400.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 84.032.000 đồng.

19/ Vương Ngọc N vay ngày 03/4/2017 với số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 270 ngày với số tiền 54.000.000 đồng thì trả tiền gốc 6.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 52.520.000 đồng.

20/ Lê Quang K vay ngày 08/4/2017 với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 330 ngày với số tiền 33.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 32.095.000 đồng.

21/ Trương Ngọc X vay 03 lần với tổng số tiền là 7.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 12/4/2017, vay 3.000.000 đồng, đóng lãi được 30 ngày với số tiền 1.800.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 1.750.000 đồng.

+ Lần 2: Cách lần 1 khoảng 01 tháng, vay 3.000.000 đồng, đóng lãi được 90 ngày với số tiền 5.400.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 5.252.000 đồng.

+ Lần 3: Cách lần 2 khoảng 03 tháng, vay tiếp 1.000.000 đồng (tổng cộng số tiền vay là 4.000.000 đồng), đóng lãi được 150 ngày với số tiền 12.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 11.671.000 đồng.

22/ Nguyễn Khắc H vay ngày 28/4/2017 với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 210 ngày với số tiền 21.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 20.424.000 đồng.

23/ Lương Thị Kim D vay ngày 29/4/2017 với số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 11 ngày với số tiền 660.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 641.000 đồng.

24/ Lê Thị C vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Vào khoảng tháng 5/2017, vay 5.000.000 đồng, đóng lãi được 20 ngày với số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.945.000 đồng.

+ Lần 2: Cách lần 1 khoảng 01 tháng, vay 5.000.000 đồng, đóng lãi được 120 ngày với số tiền 12.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 10.671.000 đồng.

25/ Lương Thị D vay 05 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, cụ thể:

+ Lần 1: Vào khoảng tháng 6/2017, vay 20.000.000 đồng, đóng lãi được 60 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 11.342.000 đồng.

+ Lần 2: Cách lần 1 khoảng 02 tháng, vay tiếp 10.000.000 đồng (tổng cộng số tiền gốc là 30.000.000 đồng), đóng lãi được 60 ngày với số tiền 18.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 17.013.000 đồng.

+ Lần 3: Cách lần 2 khoảng 02 tháng, vay tiếp 20.000.000 đồng (tổng cộng số tiền gốc là 50.000.000 đồng), đóng lãi được 60 ngày với số tiền 30.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 28.356.000 đồng.

+ Lần 4: Cách lần 3 khoảng 02 tháng, vay tiếp 20.000.000 đồng (tổng cộng số tiền gốc là 70.000.000 đồng), đóng lãi được 60 ngày với số tiền 42.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 39.698.000 đồng.

+ Lần 5: Cách lần 4 khoảng 02 tháng, vay tiếp 30.000.000 đồng (tổng cộng số tiền gốc là 100.000.000 đồng), đóng lãi được 16 ngày với số tiền 16.000.000 đồng thì trả tiền gốc nhưng H chỉ lấy 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 5.123.000 đồng.

26/ Bùi Thị Ngọc X vay ngày 29/9/2017 với số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, đóng lãi được 03 ngày với số tiền 6.300.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 5.954.000 đồng.

27/ Phạm Phương N vay ngày 20/02/2018 với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 02%/ngày, đóng lãi được 26 ngày với số tiền 26.000.000 đồng thì trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 25.287.000 đồng.

Đối với hành vi thứ hai:

Trong thời gian bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh, H thường xuyên vi phạm nội quy giam, giữ đã được cán bộ Nhà tạm giữ giáo dục nhưng H vẫn tiếp tục vi phạm. Vào khoảng 20 giờ ngày 25/3/2019, khi anh Vương Mạnh T là cán bộ Nhà tạm giữ cùng với các anh Cao Quốc Đ, Phan Trường L, Nguyễn Phương N, Võ Phát Lộc, Bùi Đình Q, Đào Trần N, Nguyễn Thành L là các chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân, tiến hành kiểm tra, điểm danh, kiểm diện các buồng giam giữ thì phát hiện tại buồng D3 đang tạm giam H cùng với Võ Công B, Nguyễn Hoàng P; B có hành vi đứng trên bệ bê tông cho P đứng lên vai tại cửa thông gió để nói chuyện với những người bị tạm giam ở buồng bên cạnh nên các anh T, Đ, L đi vào bên trong buồng D3 để nhắc nhở B và P. Trong khi anh T đang làm việc với P thì H nói xen vào nên anh Đ yêu cầu H im lặng thì H đứng dậy dùng chân phải đá 01 cái trúng vào ngực anh Đ, B dùng chân trái đạp 01 cái trúng vào bụng và dùng tay trái đánh 01 cái trúng vào mặt anh Đ nên anh T và anh L đến can ngăn thì bị P dùng tay giữ lại, cùng lúc này, H quay sang dùng tay phải đánh vào người anh T làm đứt cúc áo Cảnh sát rồi cùng B, P xô đẩy các anh T, Đ, L ra khỏi buồng tạm giam. Thấy vậy, anh N đi vào định khống chế các bị cáo thì bị H dùng chân phải đạp 01 cái trúng vào ngực. Sau đó, H cùng với B, P gỡ gạch lót sàn trong buồng tạm giam cầm trên tay đứng ở cửa trần giữ không cho lực lượng kiểm tra vào bên trong làm việc và dùng quần áo che camera quan sát bên trong buồng tạm giam. Đến 22 giờ cùng ngày, Công an huyện T đã đưa được H, B, P ra ngoài làm việc và tiến hành khám nghiệm hiện trường, lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn H về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Võ Công B, Nguyễn Hoàng P về tội “Chống người thi hành công vụ” theo

quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Tấn L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 330, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm a, o, h khoản 1 điều 52 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo B, P từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điểm a khoản 1 điều 52, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của H, B, P theo quy định.

+ Căn cứ điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi thứ nhất: Lời khai của bị cáo H, L tại phiên toà phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Từ khoảng tháng 8/2016 đến tháng 03/2018, trên địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Tấn H cùng với Nguyễn Tấn L đã có hành vi cho 28 người vay tiền với lãi suất từ 0,43%/ngày (154,8%/năm) đến 02%/ngày (720%/năm), gấp 7,8 đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 809.637.000 đồng.

Hành vi của bị cáo H, L là nguy hiểm cho xã hội, nó mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng thậm chí còn có thể phải bán tài sản, nhà cửa để trả nợ ... Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến khánh kiệt gia đình. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo H, L còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, các bị cáo đã lợi dụng những người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống mà ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất thật cao. Các bị cáo đã ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức các bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Do các bị cáo cho vay với mức lãi suất cao hơn gấp 7,8 đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền 809.637.000 đồng. Hành vi của các bị cáo thực hiện liên tục từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 3 năm 2018. Đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 163 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự nhẹ hơn nên theo quy định tại Nghị quyết 41 của Quốc hội thì căn cứ khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự để xét xử nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng truy tố các bị cáo H và L theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó, hành vi của Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn L đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án mang tính tổ chức, H là người chủ mưu rủ rê bỏ tiền ra cho vay và phân công bị cáo L giúp sức thực hiện hành vi phạm tội để nhằm mục đích thu lợi bất chính. Khi phạm tội, bị cáo H có 04 tiền án chưa được xóa là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo H xúi giục L là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội. Do đó bị cáo H phải chịu các tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm a, h, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nên đối với bị cáo H phải có mức án cao hơn bị cáo L nhằm mục đích răn đe giáo dục phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt do tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo L với vai trò đồng phạm tham gia phục vụ làm thuê cho H, không được hưởng lợi trực tiếp từ tiền lãi thu lợi, có tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi. Nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với hành vi thứ hai:

Lời khai của các bị cáo H, P, B tại phiên tòa phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Vào ngày 25/3/2019, tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Tấn H cùng với Võ Công B, Nguyễn Hoàng P có hành vi dùng vũ lực cản trở các cán bộ Nhà tạm giữ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, điểm danh và kiểm diện buồng giam giữ. Do đó, hành vi của Nguyễn Tấn H, Võ Công B, Nguyễn Hoàng P đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 330 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn H, Võ Công B, Nguyễn Hoàng P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi đã thực hiện.

Đối với hành vi của Nguyễn Tấn H, Võ Công B, Nguyễn Hoàng P là bộc phát, nhất thời; không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng người; H là người đã kích động B, P thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo H có 05 tiền án chưa được xóa án tích là tái phạm nguy hiểm nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo H theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 330, bị cáo B, P theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo B, P.

Đối với bị cáo Võ Công B, Nguyễn Hoàng P sau khi thấy bị cáo H thực hiện hành vi thì cùng tham gia nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự với vai trò như nhau và sau bị cáo H. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu do đang bị tạm giam để chờ xét xử về hành vi phạm tội lại tiếp tục phạm tội. Tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Trương Hoàng Như T, Nguyễn Quỳnh H, Thi Thị N có ghi sổ vay tiền và thu tiền lãi của những người vay cho H nhưng không có bàn bạc và cũng không biết mức lãi suất mà H và L cho vay nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra các tài liệu sổ sách thu giữ của bị can H phát hiện có 17 người vay tiền có giấy tờ vay, 05 người vay không có giấy tờ vay, hiện đã bỏ địa phương không trình báo; 72 người vay tiền có trong sổ nhưng không rõ địa chỉ nên không làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản” của Nguyễn Tấn H đã bị xử lý trong vụ án khác.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 két sắt màu xanh, kích thước (42 x 38 x 38)cm, bên trên có chữ “Lợi Phát” trên ổ khóa có sẵn chìa khóa (bên trong không có tài sản); 01 máy vi tính xách tay màu đen bên trên có chữ “hp” (không kiểm tra tình trạng máy bên trong) là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với một tấm gạch hình vuông kích thước (20 cm x 20 cm), dày 1,4 cm, một mặt có màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 04 mảnh, mảnh lớn nhất kích thước (15 cm x 10 cm), dày 1,4 cm, một mặt có màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 02 mảnh, mảnh thứ nhất kích thước (20 cm x 12 cm), mảnh thứ hai kích thước (20 cm x 8 cm); một tấm gạch hình vuông kích thước (20 cm x 20 cm), dày 1,4 cm, một mặt màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 03 mảnh, mảnh lớn nhất kích thước (20 cm x 14 cm), mảnh nhỏ nhất kích thước (8 cm x 7 cm); một tấm gạch hình vuông kích thước (20 cm x 20 cm), dày 1,4 cm, một mặt có màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 04 mảnh, mảnh lớn nhất kích thước (20 cm x 11 cm), mảnh nhỏ nhất kích thước (7,5 cm x 7 cm) không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Hành Tinh Xanh, bên trong có ghi tiền vay nợ; một quyển tập học sinh có ghi chữ Nghệ Xương, bên trong có ghi tên những người vay nợ; một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Thành Đạt, bên trong có ghi tên những người ứng tiền vay nợ; một sổ tay trên có đề chữ Childhood dream, bên trong có ghi tiền nợ; một giấy nợ có ghi tên Lê Nguyễn Tuấn A; bảy tờ giấy ghi danh sách những người vay mượn tiền; một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Hành Tinh Xanh, bên trong có ghi tiền vay nợ; một quyển tập học sinh có ghi

chữ Nghệ Xương, bên trong có ghi tên những người vay nợ; một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Thành Đạt, bên trong có ghi tên những người ứng tiền vay nợ; một sổ tay trên có đề chữ Childhood dream, bên trong có ghi tiền nợ; một giấy nợ có ghi tên Lê Nguyễn Tuấn A; bảy tờ giấy ghi danh sách những người vay mượn tiền; một sổ hộ khẩu, một giấy CMND ghi tên Nguyễn Thị Thanh T (photo); một sổ hộ khẩu, một giấy CMND ghi tên Nguyễn Thị Thanh T (photo); ba giấy ghi nợ ghi tên Nguyễn Thị Thanh T không liên quan đến vụ án và không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với hai thanh kim loại màu trắng dạng hình ống dài 83 cm, đường kính 2,5 cm; hai bình xịt hơi cay, màu xanh, nắp nhựa màu đen, trên bình có ghi chữ Nato, thể tích 60 ml; hai thanh kim loại màu vàng, dài 64 cm, đầu tay cầm có vỏ nhựa màu đen dài 23 cm, đường kính 2,5 cm (gây 03 khúc); một cây kích điện màu đen, kèm theo 03 đầu kích điện hình chữ nhật, phần rộng nhất 04 cm, được gắn vào cây kích điện màu đen; một con dao bấm kim loại màu đen, dài 26 cm, lưỡi dao đẹp có mũi nhọn, dài 12 cm, phần rộng nhất lưỡi dao 2,5 cm, phần cán dao màu đen sọc đỏ, dài 14 cm; một cây cưa tay kim loại màu trắng đẹp, dài 33 cm, phần cán bằng kim loại có vỏ nhựa màu đen bọc bên ngoài; một vỏ nhựa màu đen, dài 40 cm, trên vỏ nhựa có ghi chữ TOP màu trắng dùng để đựng cây cưa; một con dao Thái lan bằng kim loại màu trắng, dài 20 cm, lưỡi dao dài 11 cm, phần rộng nhất 02 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 09 cm, rộng nhất 02 cm; một hộp tăm bông hình chữ nhật, nhãn hiệu Hore, mực bên trong màu đỏ không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các giấy tờ gồm: Một căn cước công dân số 072190001626 mang tên Cao Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/6/1990, nơi thường trú: ấp P, xã AT, huyện T, tỉnh Tây Ninh; một giấy chứng minh nhân dân số 290726075, mang tên Nguyễn Công D, sinh năm 1983, nơi ĐKKH thường trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; một giấy chứng minh nhân dân số 290766916 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02/3/1985 nơi đăng ký HKTK: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; một giấy đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Quỳnh H, biển số 70L1-478.57; một giấy đăng ký xe mô tô tên Trịnh Hiền T, biển số 70L1-476.78; một thẻ căn cước công dân số 072301004197 mang tên Nguyễn Quỳnh H; một giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Tấn P, biển số 70L1-554.30; một biển số xe mô tô 70K1-080.61; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Minh T biển số 62F5-4579 không liên quan đến vụ án cần giao lại công an huyện T xử lý theo thủ tục hành chính.

Đối với số tiền Việt Nam 8.780.000 đồng và 16 USD thu của bị cáo H cần giao cho chi cục thi hành án huyện T tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền gốc bị cáo H cho vay tiền tổng cộng 937.500.000 đồng là phương tiện phạm tội cần buộc bị cáo H nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi bị cáo H đã thu của những người vay tiền với lãi suất theo quy định 20%/năm tổng cộng là 32.270.000 đồng là tiền thu lợi từ hành vi phạm tội cần buộc bị cáo H nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính từ trên 20%/năm mà bị cáo H đã thu của những người vay. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo H trả lại nên ghi nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Mạnh T, Phan Trường L, Cao Quốc Đ, Nguyễn Phương N không yêu cầu các bị cáo H, B, P bồi thường thiệt hại nên ghi nhận.

[6] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 330, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H (H D) 03 (ba) năm tù về tội “chống người thi hành công vụ”. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm a, o, h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H (H D) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt cả 02 tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt với Bản án 103/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo H 11 (mười một) năm tù, thời hạn bị cáo H chưa chấp hành là 09 năm 02 tháng 23 ngày tù. Bị cáo Nguyễn Tấn H (H D) phải chịu chung hình phạt là 14 (mười bốn) năm 08 (tám) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Công B (B1) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 100/2019/HSPT ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo B (B1) 09 (chín) năm tù, thời hạn bị cáo B (B1) chưa chấp hành là 08 (tám) năm 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Bị cáo Võ Công B (B1) phải chịu chung hình phạt là 09 (chín)

năm 03 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P (B2) 01 (một) năm (ba) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 70/2019/HSPT ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo P (B2) 10 (mười) năm tù, thời hạn bị cáo P (B2) chưa chấp hành là 09 (chín) năm 21 (hai mươi một) ngày tù. Bị cáo Nguyễn Hoàng P (B2) phải chịu chung hình phạt là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, các Điều 58, 91, 101 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tạm giữ các tài sản để đảm bảo thi hành án gồm: Tiền Việt Nam 8.780.000 (tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng và 16 (mười sáu) USD.

5.2. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H (H D) nộp lại số tiền 969.770.000 (chín trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

5.3. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Một két sắt màu xanh, kích thước (42 x 38 x 38) cm, bên trên có chữ “Lợi Phát” trên ổ khóa có sẵn chìa khóa (bên trong không có tài sản); một máy vi tính xách tay màu đen bên trên có chữ “hp” (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

5.4. Tịch thu tiêu hủy:

- Một tấm gạch hình vuông kích thước (20 cm x 20 cm), dày 1,4 cm, một mặt có màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 04 mảnh, mảnh lớn nhất kích thước (15 cm x 10 cm), dày 1,4 cm, một mặt có màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 02 mảnh, mảnh thứ nhất kích thước (20 cm x 12 cm), mảnh thứ hai kích thước (20 cm x 8 cm); một tấm gạch hình vuông kích thước (20 cm x 20 cm), dày 1,4 cm, một mặt màu vàng, in họa tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 03 mảnh, mảnh lớn nhất kích thước (20 cm x 14 cm), mảnh nhỏ nhất kích thước (8 cm x 7 cm); một tấm gạch hình vuông kích thước (20 cm x 20 cm), dày 1,4 cm, một mặt có màu vàng, in họa

tiết hình ô vuông, bị vỡ thành 04 mảnh, mảnh lớn nhất kích thước (20 cm x 11 cm), mảnh nhỏ nhất kích thước (7,5 cm x 7 cm).

- Một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Hành Tinh Xanh, bên trong có ghi tiền vay nợ; một quyển tập học sinh có ghi chữ Nghệ Xương, bên trong có ghi tên những người vay nợ; một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Thành Đạt, bên trong có ghi tên những người ứng tiền vay nợ; một sổ tay trên có đề chữ Childhood dream, bên trong có ghi tiền nợ; một giấy nợ có ghi tên Lê Nguyễn Tuấn A; bảy tờ giấy ghi danh sách những người vay mượn tiền. một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Hành Tinh Xanh, bên trong có ghi tiền vay nợ; một quyển tập học sinh có ghi chữ Nghệ Xương, bên trong có ghi tên những người vay nợ; một quyển tập học sinh, trang bìa có ghi chữ Thành Đạt, bên trong có ghi tên những người ứng tiền vay nợ; một sổ tay trên có đề chữ Childhood dream, bên trong có ghi tiền nợ; một giấy nợ có ghi tên Lê Nguyễn Tuấn A; bảy tờ giấy ghi danh sách những người vay mượn tiền; một sổ hộ khẩu, một giấy CMND ghi tên Nguyễn Thị Thanh T (photo); một sổ hộ khẩu, một giấy CMND ghi tên Nguyễn Thị Thanh T (photo); ba giấy ghi nợ ghi tên Nguyễn Thị Thanh T.

- Hai thanh kim loại màu trắng dạng hình ống dài 83 cm, đường kính 2,5 cm; hai bình xịt hơi cay, màu xanh, nắp nhựa màu đen, trên bình có ghi chữ Nato, thể tích 60 ml; hai thanh kim loại màu vàng, dài 64 cm, đầu tay cầm có vỏ nhựa màu đen dài 23 cm, đường kính 2,5 cm (gây 03 khúc); một cây kích điện màu đen, kèm theo 03 đầu kích điện hình chữ nhật, phần rộng nhất 04 cm, được gắn vào cây kích điện màu đen; một con dao bấm kim loại màu đen, dài 26 cm, lưỡi dao đẹp có mũi nhọn, dài 12 cm, phần rộng nhất lưỡi dao 2,5 cm, phần cán dao màu đen sọc đỏ, dài 14 cm; một cây cưa tay kim loại màu trắng đẹp, dài 33 cm, phần cán bằng kim loại có vỏ nhựa màu đen bọc bên ngoài; một vỏ nhựa màu đen, dài 40 cm, trên vỏ nhựa có ghi chữ TOP màu trắng dùng để đựng cây cưa; một con dao Thái lan bằng kim loại màu trắng, dài 20 cm, lưỡi dao dài 11 cm, phần rộng nhất 02 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 09 cm, rộng nhất 02 cm; một hộp tấm bông hình chữ nhật, nhãn hiệu Hore, mực bên trong màu đỏ.

5.5. Giao Công an huyện T xử lý theo thủ tục hành chính gồm: Một căn cước công dân số 072190001626 mang tên Cao Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/6/1990, nơi thường trú: ấp P, xã AT, huyện T, tỉnh Tây Ninh; một giấy chứng minh nhân dân số 290726075, mang tên Nguyễn Công D, sinh năm 1983, nơi ĐKKH thường trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; một giấy chứng minh nhân dân số 290766916 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02/3/1985 nơi đăng ký HKTK: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; một giấy đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Quỳnh H, biển số 70L1-478.57; một giấy đăng ký xe mô tô tên Trịnh Hiền T, biển số 70L1-476.78; một thẻ căn cước công dân số 072301004197 mang tên Nguyễn Quỳnh H; một giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Tấn P, biển số 70L1-554.30; một biển số xe mô tô 70K1-080.61; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Minh T biển số 62F5-4579.

6. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính và bồi thường thiệt hại.

7. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Tấn H (H D), Võ Công B (B1), Nguyễn Hoàng P (B2), Nguyễn Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Trường